

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 989/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thắng**

2. Bà **Thái Thục Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Ngọc L**, sinh năm 1973; cư trú tại: Đường Q, Phường D, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phạm Anh T**, sinh năm 1965; cư trú tại: Đường Q, Phường D, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Lâm Ngọc L trình bày: Bà và ông Phạm Anh T tự nguyện chung sống từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận H. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 vì ông T thường xuyên cờ bạc gây nợ, thiếu trách nhiệm làm chồng làm cha. Bà L đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống

ly thân từ năm 2015. Nay, bà L xác định không thể duy trì cuộc sống hôn nhân cùng ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Phạm Lâm Anh N, sinh ngày 20/9/2004, hiện đang sống cùng với ông bà. Bà L đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà L nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – bà Lâm Ngọc L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – ông Phạm Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lâm Ngọc L và ông Phạm Anh T có đăng ký kết hôn, bà L yêu cầu ly hôn với ông T, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do hồ sơ vụ án không có thu thập chứng cứ; không có đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8.

Nguyên đơn – bà Lâm Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà L.

Bị đơn – ông Phạm Anh T, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 274/2003, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2003, cùng lời khai của bà L về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L: Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông T thường xuyên cờ bạc gây nợ, bà L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà L xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà L và ông T đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa để trình bày ý kiến tự khai, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy ông T đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Phạm Lâm Anh N, sinh ngày 20/9/2004. Bà L đề nghị được trực tiếp nuôi con vì bà có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con và lo cho con ăn học (bà có nhà riêng, có thu nhập từ việc kinh doanh và cho thuê kiosque – quầy sạp tại chợ Phạm Thế Hiển khoảng ba mươi triệu đồng/tháng). Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Bà L có chỗ ở, có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Trong suốt quá trình tố tụng, ông T không có bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà L. Đồng thời, trẻ Anh N cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, việc giao trẻ Anh N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là có

cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định trong quá trình chung sống bà và ông T không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc L về việc xin ly hôn với ông Phạm Anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Ngọc L được ly hôn với ông Phạm Anh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 274/2003, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2003).

- Về con chung: Bà Lâm Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Lâm Anh N, sinh ngày 20/9/2004.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Ông Phạm Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp

phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Ngọc L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lâm Ngọc L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014923 ngày 27/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lâm Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lâm Ngọc L và ông Phạm Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường D, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đặng Thị Kim Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

